TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/DS-PT
Ngày: 06 - 9 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Các thẩm phán: Ông Mai Anh Tuấn

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: ông Trần Trọng Dần - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2023/TLPT-DS ngày 14/7/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS – ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 146/2023/QĐXX-PT ngày 23 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng P; địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng P;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Anh - Phó giám đốc trung tâm xử lý nợ pháp lý (văn bản uỷ quyền số 24/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020); địa chỉ: Tầng 7, toà nhà Việt Hải, số 78 Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tuấn Anh: Ông Bùi Minh Thiện, ông Trương Ngọc Anh - Chuyên viên xử lý nợ (văn bản uỷ quyền số 1870/2022/UQ-VPB ngày 09/9/2022).

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971 và ông Ngô Ngọc Phan, sinh năm 1966.

Cùng nơi cư trú: Xóm 6, xã X, huyện XT, tỉnh Nam Định;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Ngọc Phan: Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1976; địa chỉ: Xóm 1, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định (văn bản uỷ quyền ngày 10/5/2023).

3. Người kháng cáo: Bà Phạm Thị Hvà ông Nguyễn Xuân H1 là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt ông Thiện, ông Anh, ông H1; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại tòa án, người đại diện của nguyên đơn là Ngân hàng P(sau đây viết tắt là Ngân hàng P) trình bày:

Bà Phạm Thị Hvà ông Ngô Ngọc Ph vay vốn tại Ngân hàng P với tổng số tiền là 2,672,632,454 đồng, theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

* Hợp đồng thứ 1: Hợp đồng cho vay số LD1916115800 ngày 10/6/2019

- Số tiền vay: 1,165,000,000 đồng
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh điện tử điện lạnh
- Thời hạn vay: 24 tháng
- Lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11%/năm và được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 10/9/2019. Mức điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6,7%/năm
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

* Hợp đồng thứ 2: Hợp đồng cho vay số LD1930900145 ngày 05/11/2019

- Số tiền vay: 495,000,000 đồng
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh điện tử điện lạnh
- Thời hạn vay: 24 tháng
- Lãi suất vay và kỳ hạn điều chỉnh: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm và được cố định 3 tháng kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn 03 tháng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất

đầu tiên là ngày 05/02/2020. Mức điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên Ngân hàng công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 6,7%/năm

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn, kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

* Hợp đồng thứ 3: Hợp đồng cho vay số LD1931900353 ngày 15/11/2019

- Số tiền vay: 193,000,000 đồng
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh điện tử điện lạnh
- Thời hạn vay: 24 tháng
- Lãi suất vay: 19,8%/năm

* Hợp đồng thứ 4: Hợp đồng cho vay số LD2033503462 ngày 29/11/2020

- Số tiền vay: 248,000,000 đồng
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh điện tử điện lạnh
-Thời hạn vay: 12 tháng
- Lãi suất vay: 14%/năm

* Hợp đồng thứ 5: Hợp đồng cho vay số LD2101800670 ngày 13/01/2021

- Số tiền vay: 534,855,371 đồng
- Mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh điện tử điện lạnh
- Thời hạn vay: 06 tháng
- Lãi suất vay: 13.5%/năm

* Hợp đồng thứ 6: Hợp đồng vay thẻ tín dụng 212-P-4756106

Số tiền vay: 36.777.083 đồng

Lãi suất quá hạn: 42%/năm

* Tài sản bảo đảm của các khoản vay gồm:

- Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 614; tờ bản đồ số 04; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện XT, tỉnh Nam Định; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 374688; số vào sổ cấp GCN: CH00078 do UBND huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cấp ngày 12/8/2010 đứng tên ông Ngô Ngọc Ph và bà Phạm Thị H. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 1173740 ngày 10/01/2019; số công chứng 128, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/1/2019 tại Văn phòng công chứng Ngọc Ban, địa chỉ: Số 88 Đặng Xuân Bảng, phường Cửa Nam, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 698; tờ bản đồ số 04; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện XT, tỉnh Nam Định; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 914381; số vào sổ cấp GCN: CH02360 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp

ngày 18/04/2019 đứng tên ông Ngô Ngọc Ph và bà Phạm Thị H. Chi tiết theo Hợp đồng thế chấp số 1437565 ngày 07/6/2019; số công chứng 1850, quyển số 01/2019/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/6/2019 tại Văn phòng công chứng Ngọc Ban địa chỉ: Số 88 Đặng Xuân Bảng, phường Cửa Nam, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

* Quá trình thực hiện hợp đồng:

Tính đến ngày 26/5/2023, bà Phạm Thị Hvà ông Ngô Ngọc Ph đã trả Ngân hàng P số tiền là: 554,401,075.

Bà Phạm Thị Hvà ông Ngô Ngọc Ph vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng P và chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, cụ thể

Tổng số tiền của bà Phạm Thị Hvà ông Ngô Ngọc Ph tính đến ngày 26/5/2023 còn nợ Ngân hàng P là:

+ Nợ gốc	2,598,977,45 đồng
+ Nợ lãi	1,080,603,297 đồng
+ Lãi chậm trả	136,496,815 đồng
+ Tổng cộng	3,816,077,563 đồng

* Yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu Tòa án buộc Bà Phạm Thị Hvà ông Ngô Ngọc Ph phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với Ngân hàng P, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 26/5/2023 khoản tiền này là:

+ Nợ gốc	2,598,977,45 đồng
+ Nợ lãi	1,080,603,297 đồng
+ Lãi chậm trả	136,496,815 đồng
+ Tổng cộng	3,816,077,563 đồng

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày bà Phạm Thị Hvà ông Ngô Ngọc Ph thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng P.

- Trường hợp bà Phạm Thị Hvà ông Ngô Ngọc Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng P, thì Ngân hàng P có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là:

Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 614; tờ bản đồ số 04; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện XT, tỉnh Nam Định; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 374688; số vào sổ cấp GCN: CH00078 do UBND huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cấp ngày 12/8/2010 đứng tên ông Ngô Ngọc Ph và bà Phạm Thị H.

Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 698; tờ bản đồ số 04; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện XT, tỉnh Nam Định; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 914381; số vào sổ cấp GCN: CH02360 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 18/04/2019 đứng tên ông Ngô Ngọc Ph và bà Phạm Thị H.

Ngân hàng P được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án áp dụng các biện pháp cần thiết để kê biên, xử lý các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị Hvà ông Ngô Ngọc Ph để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo Bản án/ Quyết định của Tòa án cho đến khi bà Phạm Thị Hvà ông Ngô Ngọc Ph hết nghĩa vụ với Ngân hàng P

2. Tại Biên bản hoà giải ngày ngày 02 tháng 3 năm 2023 và quá trình tố tụng tại Toà án, bị đơn là bà Phạm Thị Hvà người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Ngọc Ph là ông Nguyễn Xuân H1 thống nhất trình bày:

Vợ chồng bà H, ông Ph công nhận khoản vay ngân hàng là có thật, vay trong 6 Hợp đồng. Tổng cộng hiện nay vợ chồng bà H, ông Ph còn nợ ngân hàng tính đến ngày 23/02/2023 như phía ngân hàng cung cấp là đúng, cụ thể: Dư nợ gốc 2.598.977.451đ, dư nợ lãi 940.069.381đ, phạt 104.917.308, tổng cộng là 3.643.964.140đ. Do vợ chồng bà H, ông Ph đang làm việc với phía UBND xã và Công an xã Xuân Tiến để bàn giao mặt bằng đất, khi nào bàn giao xong ông bà sẽ bán tài sản để thoanh toán hết nợ cho phía ngân hàng. Bà H, ông Ph đề nghị ngân hàng giảm lãi và tiền phạt, xin trả gốc và lãi theo quy định; ông bà đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho ông bà trả nợ trong vòng 01 tháng, thời gian kể từ ngày 02/3/2023 cho đến ngày 03/4/2023. Nếu trong vòng 01 tháng mà ông bà không xử lý được tài sản thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS – ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường quyết định:

Căn cứ vào các Điều 299, 301, 318, 320, 323, 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 12 của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng P(Ngân hàng P) đối với vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Ngô Ngọc Phan;

2. Buộc vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Ngô Ngọc Ph phải trả cho Ngân hàng P(Ngân hàng P) tính đến ngày 26/5/2023 số tiền là 3,816,077,563 đồng (ba tỷ, tám trăm mười sáu triệu, không trăm bảy mươi bảy nghìn, năm trăm sáu mươi ba đồng), trong đó, nợ gốc: 2,598,977,451 đồng; nợ lãi 1,080,603,297 đồng; lãi chậm trả: 136,496,815 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà bà H, ông Ph không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng P thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm gồm:

- Tài sản 1: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 614; tờ bản đồ số 04; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện XT, tỉnh Nam Định; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 374688; số vào sổ cấp GCN: CH00078 do UBND huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cấp ngày 12/8/2010 đứng tên ông Ngô Ngọc Ph và bà Phạm Thị H.

- Tài sản 2: Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 698; tờ bản đồ số 04; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện XT, tỉnh Nam Định; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 914381; số vào sổ cấp GCN: CH02360 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 18/4/2019 đứng tên ông Ngô Ngọc Ph và bà Phạm Thị H.

Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên vẫn chưa đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng P thì Ngân hàng P có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà H, ông Ph để thu hồi nợ cho Ngân hàng P.

3. Về án phí: Buộc vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Ngô Ngọc Ph phải nộp 108,321,000 đồng (một trăm linh tám triệu, ba trăm hai mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng P(Ngân hàng P) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 47.300.000 đồng (bốn mươi bảy triệu, ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003097 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường.

* Tại đơn kháng cáo ngày 07/6/2023 bà H và ông H1 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét lại phần lãi xuất.

* Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên lời trình bày, ý kiến, quan điểm như đã nêu trên.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị ngân hàng miễn giảm một phần lãi suất để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ. Bị đơn xin trả ngân hàng cả gốc và lãi là 03 tỷ đồng để tất toán toàn bộ khoản vay.

Đại diện nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu xin miễn giảm lãi suất của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Nội dung :

[2.1] Để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh cũng như tiêu dùng cho gia đình, vợ chồng bà H và ông Ph đã ký 06 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng P để vay số tiền 2,672,632,454 đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay, vợ chồng bà H và ông Ph đã thế chấp các tài sản là:

Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 614; tờ bản đồ số 04; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện XT, tỉnh Nam Định; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 374688; số vào sổ cấp GCN: CH00078 do UBND huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định cấp ngày 12/8/2010 đứng tên ông Ngô Ngọc Ph và bà Phạm Thị H.

Toàn bộ quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 698; tờ bản đồ số 04; địa chỉ: Xóm 6, xã X, huyện XT, tỉnh Nam Định; thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 914381; số vào sổ cấp GCN: CH02360 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nam Định cấp ngày 18/4/2019 đứng tên ông Ngô Ngọc Ph và bà Phạm Thị H.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H và ông Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng P nên phải chịu mức lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, cụ thể: Tổng số tiền nợ của bà H và ông Ph tính đến

ngày 26/5/2023 là: Nợ gốc 2,598,977,451 đồng; Nợ lãi 1,080,603,297 đồng; Lãi chậm trả 136,496,815 đồng; Tổng cộng: 3,816,077,563 đồng.

[2.2] Vợ chồng bà H và ông Ph thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng P với số tiền 2,672,632,454 đồng và thế chấp quyền sử dụng đất đất như Ngân hàng P trình bày là đúng. Tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch bệnh, công việc làm ăn gặp nhiều khó khăn, nên ông bà mới trả được một phần tiền gốc và lãi của các khoản vay tại 06 hợp đồng tính đến ngày 26/5/2023 là 554,401,075 đồng. Tính đến ngày 26/5/2023, ông bà xác định còn nợ Ngân hàng P số tiền nợ gốc 2,598,977,451 đồng; nợ lãi 1,080,603,297 đồng; lãi chậm trả 136,496,815 đồng; tổng cộng 3,816,077,563 đồng như ngân hàng tính toán là đúng.

Bà H và ông H1 chỉ kháng cáo đề nghị ngân hàng xem xét miễn giảm một phần lãi suất nhưng ngân hàng không chấp nhận. Xét việc ngân hàng tính mức lãi xuất quá hạn cũng như lãi phạt chậm trả trên tổng số tiền nợ gốc tương ứng với thời gian chậm trả là phù hợp với các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết và phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2023/DS – ST ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng bà H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003260 ngày 12 - 06 - 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường. Vợ chồng bà H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng